

UBND TỈNH GIA LAI
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

Số: 30/QĐ-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế hoạt động khoa học của Trường Chính trị tỉnh Gia Lai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIA LAI

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ- TW ngày 3 tháng 9 năm 2008 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-HVCTQG ngày 21 tháng 04 năm 2016 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động khoa học của Trường Chính trị tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Các khoa, phòng Hội đồng khoa học, giảng viên và viên chức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, KH.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thái Bình

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-TCT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định và áp dụng cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, viên chức; tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học Trường Chính trị tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu đề án khoa học cấp nhà nước, cấp tỉnh;
2. Nghiên cứu đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở (cấp trường), cấp khoa;
3. Nghiên cứu biên soạn chương trình đào tạo, bồi dưỡng của trường;
4. Biên soạn tập bài giảng tình hình, nhiệm vụ của địa phương;
5. Nghiên cứu biên soạn lịch sử trường, địa phương;
6. Tham gia hội thảo khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, cấp khoa;
7. Nghiên cứu viết bài công bố trên báo, bản tin, kỷ yếu khoa học, tạp chí in và điện tử của trường, địa phương, trung ương, quốc tế;
8. Khảo sát thực tế theo kế hoạch phục vụ giảng dạy, học tập nghiên cứu đề án, đề tài khoa học;
9. Nghiên cứu viết sáng kiến - kinh nghiệm phục vụ giảng dạy, học tập.

Điều 3. Trách nhiệm nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ thường xuyên của giảng viên, viên chức.
2. Hiệu trưởng có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, tài liệu, phương tiện và các thông tin cần thiết cho giảng viên, viên chức hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.
3. Kết quả nghiên cứu khoa học là một trong những căn cứ đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua của giảng viên, viên chức hằng năm.

Chương II
QUY ĐỊNH, ĐỊNH MỨC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Quy đổi kết quả nghiên cứu khoa học

1. Các công trình được quy đổi như sau:

TT	Tên công việc	Quy đổi
1	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.	300 giờ chuẩn/12 tháng
2	Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, tỉnh.	250 giờ chuẩn/12 tháng
3	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.	150 giờ chuẩn/12 tháng
4	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa.	70 giờ chuẩn/12 tháng
5	Thành viên của các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp.	- Thụ ký đề tài = 50% mức của Chủ nhiệm - 50% mức giờ của Chủ nhiệm cùng cấp chia đều cho các thành viên chính tham gia, theo đăng ký tham gia trong đề tài
6	Biên soạn tập bài giảng, sách chuyên khảo, sách tham khảo, được nghiệm thu và xuất bản.	250 giờ chuẩn/01 công trình (Chủ biên tính 1/5 giờ chuẩn, đồng tác giả kể cả chủ biên chia theo giá trị đóng góp 4/5 còn lại)
7	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN, kỷ yếu Hội nghị khoa học cấp quốc gia được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính 1,0 điểm.	100 giờ chuẩn/01 bài

8	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính dưới 1,0 điểm.	90 giờ chuẩn/01 bài
9	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN nhưng không được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm; Bản tin Thông tin công tác trường chính trị.	70 giờ chuẩn/01 bài
10	Bài báo khoa học công bố trên báo (Tập san, nội san) địa phương, bản tin của trường.	60 giờ chuẩn/01 bài
11	Bài công bố trên kỷ yếu tham gia hội thảo khoa học cấp bộ/ngành/tỉnh.	80 giờ chuẩn/01 bài
12	Bài công bố trên kỷ yếu tham gia hội thảo cấp cơ sở.	60 giờ chuẩn/01 bài
13	Bài công bố trong Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa	40 giờ chuẩn/ bài
14	Bài khảo sát thực tế phục vụ giảng dạy, học tập, đề án khoa học, nghiên cứu đề tài được Hội đồng khoa học cấp trường thẩm định và sử dụng trong nhà trường.	50 giờ chuẩn/01 bài
15	Bài trong tập bài giảng tình hình, nhiệm vụ của địa phương được Hội đồng khoa học thẩm định và sử dụng trong nhà trường.	100 giờ chuẩn/01 bài
16	Bài nghiên cứu biên soạn lịch sử nhà trường, địa phương đã được nghiệm thu.	100 giờ chuẩn/01 bài
17	Sáng kiến - kinh nghiệm phục vụ giảng dạy, học tập được Hội đồng khoa học cấp trường thẩm định và sử dụng trong nhà trường.	80 giờ chuẩn/01 bài
18	Viết bài đăng trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan cấp sở, ban, ngành hoặc của trường.	40 giờ chuẩn/01 bài
19	Bài viết nghiên cứu về tình hình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, xây dựng Đảng đăng trên Báo Gia Lai và được Hội đồng thẩm định.	60 giờ chuẩn/01 bài

2. Đề tài được triển khai đúng tiến độ và nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên, giờ chuẩn được tính cho số tháng thực tế thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong năm. Nếu một công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học khác nhau, được trình bày tại các hội nghị, hội thảo khoa học khác nhau v.v. thì chỉ được tính một lần theo chuẩn cao nhất (không cộng dồn). Nếu một công trình nghiên cứu có nhiều tác giả thì chia đều cho các tác giả.

Điều 5. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và giờ nghiên cứu thực tế

1. Giờ chuẩn nghiên cứu khoa học là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với mỗi chức danh tương đương với một công trình nghiên cứu khoa học.

2. Nghiên cứu thực tế là một nhiệm vụ của giảng viên. Sau khi đi nghiên cứu thực tế, mỗi giảng viên phải có báo cáo thu hoạch nộp về Phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu để tổng hợp trình Hội đồng khoa học thẩm định.

3. Khung định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và giờ nghiên cứu thực tế đối với giảng viên:

TT	Chức danh	Giờ chuẩn nghiên cứu khoa học	Giờ nghiên cứu thực tế
1	Giảng viên:		
	- Giảng viên tập sự	40	80
	- Giảng viên	200	150
2	Giảng viên chính	240	150
3	Giảng viên cao cấp	280	70

Điều 6. Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế của giảng viên kiêm nhiệm và các đối tượng khác

1. Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác có nghĩa vụ thực hiện định mức giờ chuẩn như sau:

STT	Chức danh	Ngạch	Tỷ lệ % định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học	Số giờ chuẩn nghiên cứu khoa học tương ứng	Số giờ nghiên cứu thực tế tương ứng
01	Hiệu trưởng	Giảng viên cao cấp	20 %	56	11,2
		Giảng viên chính	20 %	48	24
02	Phó Hiệu trưởng	Giảng viên cao cấp	30 %	84	16,8
		Giảng viên chính	30 %	72	36
03	Trưởng phòng	Giảng viên chính	35 %	84	42
		Giảng viên	35 %	70	42
04	Phó Trưởng phòng	Giảng viên chính	40 %	96	48
		Giảng viên	40 %	80	48
05	Trưởng khoa	Giảng viên chính	70 %	168	84
		Giảng viên	70 %	140	84
06	Phó Trưởng khoa	Giảng viên chính	75 %	180	90
		Giảng viên	75 %	150	90
07	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Công đoàn	Giảng viên chính	70 %	168	84
		Giảng viên	70 %	140	84
08	Phó Bí thư Đảng uỷ, Phó Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Giảng viên chính	75 %	180	90
		Giảng viên	75 %	150	90

09	Trưởng Ban nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Bí thư đoàn trường, Tổ trưởng Thanh tra giáo dục, Tổ trưởng Tổ Khảo thí	Giảng viên chính	80 %	192	96
		Giảng viên	80 %	160	96
10	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ trường, thành viên Tổ Thanh tra giáo dục, thành viên Tổ Khảo thí	Giảng viên chính	90%	216	108
		Giảng viên	90 %	180	108

2. Giảng viên nếu giữ nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm nhiều công tác thì chỉ thực hiện một định mức giờ chuẩn thấp nhất.

3. Giảng viên được điều về công tác tại các phòng chức năng của nhà trường mà không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác thì định mức nghiên cứu khoa học là 35 % định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và giờ nghiên cứu thực tế của ngạch giảng viên đang giữ.

4. Giảng viên có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thì được giảm 10% định mức thời gian nghiên cứu khoa học và nghiên cứu thực tế.

5. Giảng viên đang học cao học trong nước hệ chính quy không tập trung thì được giảm 50% định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và giờ nghiên cứu thực tế.

Điều 7. Chuyển đổi giờ chuẩn giữa giờ chuẩn giảng dạy và giờ chuẩn nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên không đủ định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học mà giảng dạy vượt định mức thì được lấy số giờ giảng dạy vượt định mức bù cho số giờ chuẩn nghiên cứu khoa học để tính hoàn thành định mức giờ chuẩn và tính thành tích thi đua.

2. Giảng viên không đủ định mức giờ chuẩn giảng dạy mà vượt định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học thì được lấy số giờ chuẩn nghiên cứu khoa học

vượt định mức bù cho số giờ chuẩn giảng dạy còn thiếu để tính hoàn thành định mức giờ chuẩn và tính thành tích thi đua nhưng không được thanh toán vượt giờ.

- 03. Giảng viên hoàn thành định mức giờ chuẩn giảng dạy mà vượt định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học thì được chuyển giờ chuẩn nghiên cứu khoa học vượt định mức cho một năm tiếp theo.

Chương III

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

Điều 8. Thành lập Hội đồng khoa học

1. Hội đồng khoa học là tổ chức tư vấn khoa học của nhà trường, có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng về hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động có liên quan.

2. Hội đồng khoa học do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Số thành viên của Hội đồng từ 11 - 12 người.

Điều 9. Thành phần của Hội đồng khoa học

1. Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng nhà trường.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Hiệu trưởng phụ trách nghiên cứu khoa học và Phó Hiệu trưởng phụ trách nội dung.

3. Thư ký, uỷ viên thường trực của Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu.

4. Các uỷ viên Hội đồng gồm: Các Phó hiệu trưởng, đại diện lãnh đạo các khoa, phòng và một số giảng viên có trình độ từ Thạc sỹ trở lên, có khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học được Hiệu trưởng chỉ định.

Điều 10. Nhiệm vụ của Hội đồng khoa học

1. Tư vấn phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch, quy trình tổ chức hoạt động khoa học và các hoạt động khác có liên quan của nhà trường.

2. Đánh giá, thẩm định kế hoạch, thuyết minh kết quả của đề án, đề tài, công trình khoa học, sáng kiến - kinh nghiệm và những hoạt động có liên quan của nhà trường.

3. Phối hợp với Phòng Nghiên cứu Khoa học - Thông tin - Tư liệu tổ chức hội thảo khoa học của nhà trường.

4. Phối hợp với Phòng Đào tạo, Phòng Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu tổ chức, đánh giá thao giảng của nhà trường.

5. Kiến nghị các hình thức sử dụng công trình khoa học đã thẩm định, khen thưởng, kỷ luật tập thể, cá nhân trong hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Điều 11. Nhiệm vụ của thành viên trong Hội đồng khoa học

1. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công.

3. Thư ký Hội đồng chuẩn bị chương trình, kế hoạch, tài liệu, ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng; giữ mối liên hệ thường xuyên giữa các thành viên trong Hội đồng; phối hợp với các khoa, phòng có liên quan chuẩn bị điều kiện hoạt động của Hội đồng.

4. Các thành viên của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 12. Thời gian nhiệm kỳ và chế độ hội họp của Hội đồng

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học là 5 năm. Trong thời gian nhiệm kỳ, việc thay đổi, bổ sung uỷ viên Hội đồng do Hiệu trưởng quyết định.

2. Hội đồng họp định kỳ 03 tháng/lần và họp đột xuất khi cần thiết. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số uỷ viên Hội đồng tham dự.

Chương IV

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, ĐỀ TÀI

Điều 13. Xây dựng các đề án, đề tài

1. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh do trường đề xuất, xây dựng thuyết minh đề cương, làm thủ tục đăng ký với sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan.

2. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp khoa do khoa, phòng, cá nhân giảng viên đề xuất, Hiệu trưởng quyết định trong kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học hằng năm của nhà trường.

3. Những nhiệm vụ bức thiết do Hiệu trưởng giao trực tiếp cho các cá nhân thực hiện theo phương pháp chuyên gia.

Điều 14. Kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học cấp khoa, cấp trường và Hội đồng khoa học do Hiệu trưởng quyết định.

2. Việc sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 15. Nghiệm thu đề án, đề tài khoa học

1. Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp khoa do Hiệu trưởng quyết định; việc nghiệm thu đề án, đề tài khoa học cấp tỉnh, bộ, cấp nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học nghiệm thu đạt loại trung bình trở lên thì được thanh lý hợp đồng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Quy chế này cụ thể hoá Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 1855/QĐ-HVCTQG ngày 21/4/2016 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

3. Ban giám hiệu, các khoa, phòng và Hội đồng khoa học nhà trường nghiêm túc thực hiện quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì báo cáo Hiệu trưởng xem xét quyết định./.

Số: 131/QĐ-TCT

Gia Lai, ngày 17 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nhuận bút cho tác giả,
chủ sở hữu tác phẩm đối với Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”
của Trường Chính trị tỉnh Gia Lai**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH GIA LAI

Căn cứ Quyết định số 184 - QĐ/TW ngày 03 tháng 09 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ Quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

Căn cứ Công văn số 429/HVCTQG-TCT ngày 7/5/2015 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Về việc nâng cao chất lượng bản tin của các trường chính trị;

Xét đề nghị của trường phòng Nghiên cứu Khoa học - Thông tin - Tư liệu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định về chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và chế độ thù lao cho những người thực hiện các công việc có liên quan đến Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” của Trường Chính trị tỉnh Gia Lai”.

Điều 2. Quỹ nhuận bút Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp, kinh phí chi thường xuyên được Nhà nước cấp cho đơn vị hằng năm và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Ban giám hiệu, Hội đồng biên tập Bản tin, trưởng, phó các khoa, phòng và cá nhân liên quan căn cứ thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, KH.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thái Bình

QUY ĐỊNH

Chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu của tác phẩm đối với
Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” của Trường Chính trị tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-TCT ngày 17 tháng 4 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Chính trị tỉnh Gia Lai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định việc thực hiện chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu của tác phẩm đăng trên Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” (Gọi tắt là Bản tin) của Trường Chính trị tỉnh Gia Lai nhằm đảm bảo quyền lợi và khuyến khích tác giả sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị cao. Quy định mức chi trả khoản tiền thù lao cho những người thực hiện các công việc có liên quan đến tác phẩm và xuất bản đưa thông tin lên Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” của Trường Chính trị tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng hưởng nhuận bút và thù lao.

1. Đối tượng hưởng nhuận bút: Tác giả, chủ sở hữu tác phẩm viết, bộ phận vi tính, nhập dữ liệu, dàn trang, makét, dò morat đang làm việc tại Trường Chính trị tỉnh Gia Lai tham gia thực hiện Bản tin; tác giả, chủ sở hữu tác phẩm là cộng tác viên Bản tin.

2. Đối tượng hưởng thù lao: Người sưu tầm, người cung cấp tác phẩm, văn bản, tài liệu, biên tập viên và những người thực hiện các công việc có liên quan đến tác phẩm và hoạt động của Bản tin.

3. Mức hưởng nhuận bút, thù lao do Hiệu trưởng quy định cụ thể, phù hợp với chế độ nhuận bút, thù lao và khả năng nguồn kinh phí được cấp hằng năm và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định hệ số khung nhuận bút của Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”.

Chỉ những tin, bài hoặc các tác phẩm thuộc thể loại khác được duyệt đăng mới được hưởng mức nhuận bút hoặc thù lao như quy định dưới đây:

Thù lao = Mức hệ số nhuận bút x Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút

Trong đó:

Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút bằng 10% mức tiền lương cơ sở.

Hệ số nhuận bút = Số lượng độ dài tin bài x hệ số giá trị tin bài

Tùy theo thể loại, chất lượng tác phẩm, Hiệu trưởng quyết định mức hệ số giá trị tin bài của tác phẩm không vượt quá Hệ số giá trị tin bài trong bảng dưới đây:

TT	Thể loại	Đơn vị độ dài tin	Hệ số giá trị tin bài
1	Tin	½ trang A4	0,5
2	Bài viết	01 trang A4	0,5
3	Tranh, ảnh	01 Ảnh	0,5
4	Thơ, truyện ngắn, bút ký	01 trang A4	0,5

* Bảng thanh toán nhuận bút được tính như sau:

[Thành tiền] = [Hệ số giá trị tin bài] x [10% mức lương cơ sở]

TT	Thể loại	Đơn vị tính	Hệ số giá trị tin bài	Thành tiền
1	Tin	Bài	0,5	65.000
2	Tranh, ảnh	Bài	0,5	65.000
3	Bài viết (Từ 01-07 trang A4)	Bài	0,5	65.000 - 455.000
4	Thơ, truyện ngắn, bút ký	Bài	0,5	65.000

Điều 4. Quy định mức hưởng bồi dưỡng hàng tháng cho Hội đồng biên tập như sau:

1. Chủ tịch hưởng 30% mức lương cơ sở.
2. Phó Chủ tịch và Thư ký thường trực hưởng 15% mức lương cơ sở.
3. Các Thành viên Hội đồng biên tập hưởng 10% mức lương cơ sở.

Điều 5. Quy định xây dựng quỹ nhuận bút.

Quỹ nhuận bút Bản tin được trích từ kinh phí chi thường xuyên do Nhà nước cấp hằng năm cho đơn vị và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ban giám hiệu, Trưởng, phó các khoa, phòng, Hội đồng biên tập, tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và những người có liên quan triển khai thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Trưởng phòng Nghiên cứu Khoa học – Thông tin – Tư liệu có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét giải quyết./.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thái Bình

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;

- Phòng Văn phòng - Thư ký;

- Phòng VT, KH.